

Số: /KH-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 và Quyết định số 2539/QĐ-BYT ngày 24/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030¹ và xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Công văn số 2507/SYT-DS ngày 15/5/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh nhằm nâng cao chất lượng dân số, góp phần thực hiện thành công Chiến lược dân số đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90% năm 2030 và không để xảy ra tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.
- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất gồm: Down, Edwards, Patau và bệnh tan máu bẩm sinh Thalassemia đạt 70% năm 2030.
- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) ít nhất 5 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất gồm: suy giáp trạng bẩm sinh, thiếu men G6PD, tăng

¹ UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) đã ban hành Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 25/6/2021 thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030. UBND tỉnh Kon Tum (cũ) đã ban Kế hoạch số 834/KH-UBND ngày 12/3/2021 thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

sản thượng thận bẩm sinh, tim bẩm sinh và khiếm thính bẩm sinh đạt 90% năm 2030.

- Tỷ lệ xã có điểm, cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 90% năm 2030.

- Tỷ lệ cơ sở y tế đủ năng lực cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 90% năm 2030.

II. Thời gian, phạm vi và đối tượng

1. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026-2030.

2. Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Đối tượng

- Đối tượng thụ hưởng: Trẻ vị thành niên; nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, phụ nữ có thai và trẻ sơ sinh.

- Đối tượng tác động: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

III. Tiến độ thực hiện.

1. Năm 2026: Trên cơ sở Kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp; tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến vận động các đoàn thể, tổ chức, người có uy tín trong cộng đồng và người dân ủng hộ, tham gia thực hiện; tổ chức thực hiện, hướng dẫn hiệu quả các nhiệm vụ theo Kế hoạch; mở rộng các loại hình cung cấp dịch vụ của các cơ sở y tế trong và ngoài công lập phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn theo hướng bảo đảm người dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ cơ bản; được tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ.

2. Các năm tiếp theo: Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra để đạt được các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu; tăng cường công tác theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

IV. Nhiệm vụ, giải pháp

1. Thực hiện cơ chế chính sách, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật

a) Thực hiện cơ chế chính sách

Rà soát các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo trợ xã hội; vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; miền núi, biên giới, hải đảo, vùng nhiễm chất độc dioxin để đề xuất sử dụng miễn phí gói dịch vụ cơ bản của chương trình.

Xã hội hóa cung ứng dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh.

b) Về chuyên môn kỹ thuật

Rà soát, bổ sung quy trình chuyên môn kỹ thuật; quy chuẩn, tiêu chuẩn của cơ sở cung cấp dịch vụ về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh, sơ sinh.

2. Tuyên truyền vận động và huy động xã hội

a) Cung cấp thông tin về các hoạt động của chương trình đến chính quyền địa phương. Tuyên truyền, vận động các đoàn thể, tổ chức, người có uy tín trong cộng đồng và người dân ủng hộ, tham gia thực hiện. Lồng ghép với các hoạt động, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ liên quan.

- Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: Xây dựng phóng sự, chuyên trang trên Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh, hệ thống đài truyền thanh về mục đích, ý nghĩa, các nội dung, kết quả triển khai thực hiện Chương trình, các thông tin về sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh để người dân và cộng đồng thực hiện nghiêm các quy định về cấm tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; các nội dung liên quan đến tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn cho vị thành niên, thanh niên.

- Tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, webside của các cơ quan, đơn vị; đồng thời, trên mạng xã hội trong hoạt động quảng bá, cung cấp thông tin, tuyên truyền cho các nhóm đối tượng.

b) Phổ biến, giáo dục pháp luật vận động người dân và cộng đồng thực hiện nghiêm các quy định cấm tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; thanh niên không tảo hôn, không kết hôn cận huyết.

c) Đẩy mạnh tư vấn cộng đồng, vận động thanh niên thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; phụ nữ mang thai thực hiện sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh; trẻ sơ sinh được thực hiện sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh. Duy trì, củng cố, xây dựng mới các Câu lạc bộ tiền hôn nhân; Câu lạc bộ Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên; cung cấp, phổ biến các thông tin, kiến thức, kỹ năng về: Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên; tiền hôn nhân; hôn nhân gia đình; sự cần thiết và lợi ích của các hoạt động tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh.

3. Phát triển mạng lưới dịch vụ

- Phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị bệnh, tật trước sinh và sơ sinh.

- Đầu tư trang thiết bị cho cơ sở y tế để đảm bảo đủ điều kiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh.

- Cử cán bộ tham gia đào tạo về chuyên môn, tiếp nhận, chuyển giao kỹ thuật phục vụ sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ y tế, dân số, cộng tác viên về kỹ năng truyền thông cho người làm công tác tuyên truyền, vận động, tư vấn, quản lý đối tượng, tham gia sàng lọc trước sinh và sơ sinh tuyến tỉnh, xã.

- Mở rộng các loại hình cung cấp dịch vụ của các cơ sở y tế trong và ngoài công lập phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn theo hướng bảo đảm mọi người dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ cơ bản; được tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ tại xã

- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; theo dõi và quản lý đối tượng.

- Tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát hỗ trợ đánh giá quá trình thực hiện chương trình.

4. Huy động nguồn lực

- Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia chương trình.

- Huy động các ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở tham gia thực hiện các hoạt động của kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Huy động mạng lưới y tế, dân số từ tỉnh đến cơ sở, bao gồm Cộng tác viên dân số và nhân viên y tế thôn bản thực hiện các hoạt động của Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Vận động các nguồn lực, tài trợ trong và ngoài nước để thực hiện nhanh, hiệu quả các mục tiêu của Chương trình.

V. Kinh phí thực hiện

Được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành; nguồn chương trình mục tiêu quốc gia Y tế - Dân số; nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch, đảm bảo gắn kết chặt chẽ với các kế hoạch, chương trình, đề án có liên quan.

b) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện Kế hoạch. Tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện kế hoạch mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030; báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh, Bộ Y tế theo quy định.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp kinh phí thực hiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí theo quy định của pháp luật và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo, hướng dẫn các hình thức truyền thông trực tiếp với truyền thông đại chúng, truyền thông cơ sở và truyền thông số, bảo đảm phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

4. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan triển khai các chương trình, các nội dung về giảm tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Y tế, các ngành, các địa phương liên quan lồng ghép nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong nhà trường.

6. Sở Tư pháp

Phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn thực hiện chính sách về hôn nhân, gia đình liên quan đến tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

a) Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030. Phân công rõ trách nhiệm của từng ngành, đoàn thể trong việc triển khai thực hiện; lồng ghép với các chương trình, đề án, dự án liên quan trên địa bàn.

b) Trình cấp có thẩm quyền hoặc ban hành theo thẩm quyền các Chương trình, Kế hoạch để đưa mục tiêu, chỉ tiêu vào hệ thống các chỉ tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 cho phù hợp với điều kiện của địa phương và theo đúng quy định.

c) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch và định kỳ báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Y tế) theo quy định.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ để tổ chức triển khai các hoạt động của Kế hoạch; đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục, nâng cao nhận thức của đoàn viên, hội viên; tạo sự lan tỏa tích cực, sâu rộng.

9. Công tác thống kê, báo cáo: Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Y tế) kết quả thực hiện chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (trước ngày 15/12 của năm).

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận TQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở: Y tế, Tài chính, Tư pháp, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Dân tộc và Tôn giáo;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VPUB: CVP, PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{LMC336}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sâm